

Số: **4334**/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày **10** tháng 7 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt diện tích miễn thủy lợi phí năm 2015**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Theo Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 26/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt diện tích miễn thủy lợi phí năm 2014; Quyết định số 2558/QĐ-UBND ngày 04/12/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt bổ sung diện tích miễn thủy lợi phí năm 2014;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 704/TTr-SNNPTNT ngày 06/7/2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt diện tích tưới, tiêu được cấp nước từ các công trình thủy lợi do Công ty TNHH NNMTV quản lý khai thác công trình thủy lợi, các huyện, thị xã và thành phố Huế quản lý được cấp bù miễn thủy lợi phí năm 2015 như sau:

**1. Diện tích lúa và màu**

STT	Đơn vị quản lý công trình	Vụ Đông Xuân (ha)		Vụ Hè Thu (ha)		Cả năm (ha)	
		Lúa	Màu	Lúa	Màu	Lúa	Màu
<b>I</b>	<b>Các huyện, TX, TP</b>	<b>20.698</b>	<b>726</b>	<b>18.179</b>	<b>714</b>	<b>38.877</b>	<b>1.440</b>
1	Phong Điền	4.113	30	3.932	23	8.045	52
2	Hương Trà	1.954	56	1.901	60	3.855	116



3	Quảng Điền	2.971	110	2.609	98	5.580	208
4	T.P Huế	848	39	868	38	1.716	77
5	Hương Thủy	2.944	21	2.714	21	5.658	41
6	Phú Vang	5.201	470	4.025	475	9.226	946
7	Phú Lộc	2.666	0	2.130	0	4.796	0
<b>II</b>	<b>Công ty QLKTCTTL</b>	<b>7.446</b>	<b>180</b>	<b>7.487</b>	<b>161</b>	<b>14.933</b>	<b>341</b>
	<b>Toàn tỉnh (I+II)</b>	<b>28.144</b>	<b>906</b>	<b>25.666</b>	<b>875</b>	<b>53.810</b>	<b>1.781</b>

## 2. Diện tích nuôi trồng thủy sản

	Huyện, TX, Công ty	nuôi cao triều (ha)	nuôi thấp triều (ha)	Nuôi cá nước ngọt (ha)	Tổng cộng cả 3 loại (ha)
<b>I</b>	<b>Các huyện, TX, TP</b>	<b>1.120</b>	<b>2.230</b>	<b>908</b>	<b>4.257</b>
1	Phong Điền	127	0	97	223
2	Hương Trà	31	236	16	282
3	Quảng Điền	25	619	112	756
4	T.P Huế	0	0	0,3	0,3
5	Hương Thủy	0	0	205	205
6	Phú Vang	629	750	256	1.635
7	Phú Lộc	309	625	222	1.156
<b>II</b>	<b>Công ty QLKTCTTL</b>		<b>0</b>	<b>254</b>	<b>254</b>
	<b>Toàn tỉnh (I+II)</b>	<b>1.120</b>	<b>2.230</b>	<b>1.162</b>	<b>4.511</b>

### Điều 2. Giao trách nhiệm:

1. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế và Công ty TNHH NN MTV QLKTCTTL tỉnh tổng hợp diện tích tưới, tiêu theo từng biện pháp công trình do đơn vị quản lý; lập dự toán cấp bù miễn thủy lợi phí theo mức thu thủy lợi phí đã được UBND tỉnh phê duyệt.

2. Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ diện tích tưới, tiêu được cấp nước từ các công trình thủy lợi được phê duyệt tại Quyết định

này để lập và phê duyệt dự toán kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí năm 2015 theo Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Giám đốc Kho Bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Quản lý khai thác công trình thủy lợi tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế và Thủ trưởng các cơ quan ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và PCT UBND tỉnh;
- VP: LĐ và các CV: TC, TH;
- Lưu: VT, TC, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Cao**

